

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày 21 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đoàn Hùng Tự.

Bà: Khuất Thị Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2020/TLST-HS, ngày 29 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Hoàng Đức G, tên gọi khác: Không, Sinh ngày 12/6/1984; nơi sinh: Tỉnh Phú Thọ; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chỗ ở hiện nay: Tạm trú tại tổ 12 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; trình độ học vấn: **12/12**; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Hoàng Đức T - Sinh năm: 1956; con bà: Hoàng Thị T1 - Sinh năm: 1960; có vợ là Đỗ Thị D - Sinh năm 1986 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; anh, chị em ruột: Bị cáo có 04 anh, chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/HSST ngày 21/07/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt Hoàng Đức G 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/07/2020 đến ngày 04/08/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị khởi tố ngày 04/08/2020, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/08/2020 đến nay, bị cáo có mặt.

- Bị hại: Trần Văn T, sinh năm: 1986, nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ tạm trú: Tổ 12 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1977, nghề nghiệp: Lao động tự do. Địa chỉ tạm trú: Tổ 12 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng gần 20 giờ ngày 25/7/2020, Hoàng Đức một mình đi bộ từ lán thợ xây, thuộc tổ 12, phường N, thành phố H, đến tầng 1 công trình xây dựng tòa nhà 10 tầng, thuộc tổ 10, phường M, thành phố H, do ông Nguyễn Văn C thuê thi công, nơi G làm thợ xây để ngủ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, G dậy đi xuống tầng âm của tòa nhà để vệ sinh cá nhân, khi đến cách cửa vào cầu thang xuống tầng âm khoảng 60cm; G phát hiện 01 hộp bìa cattong màu trắng, miệng nắp hộp mở, có nhiều đầu ống dây kim loại màu đồng thò ra ngoài đặt G tường, cách phía ngoài bên phải cửa vào cầu thang 01m (*Sau này mới biết đó là tài sản của anh Trần Văn T, sinh năm: 1986; thường trú: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An; là người nhận thi công lắp đặt hệ thống điều hòa của tòa nhà*); G nảy sinh ý định lấy trộm, bẻ nắp hộp bìa cattong lên mang đi theo cầu thang bộ xuống tầng âm của tòa nhà. Khi đến tầng âm, G mang hộp bìa cattong cất dấu tại phía ngoài góc tường phía sau bên phải của tòa nhà, giáp với đường bờ kè sông lô, sau đó đi bộ theo đường bờ kè về hướng cầu Yên Biên I, một lúc sau G quay lại tầng âm của tòa nhà, sử dụng điện thoại di động gọi vào số thuê bao 0986379440 của Nguyễn Thị T1 (*là người chuyên mua bán phế liệu, nhà cách lán thợ xây nơi G thường về ăn cơm khoảng 100 mét*) G nói "*chị có mua đồng không*", T nói "*Có*", G nói "*Chị đi sang chỗ đường bờ sông mà lấy*", T nói "*ừ*" rồi tắt máy. Gọi điện xong, G ra ngoài dựa vào lan can đường bờ kè, phía sau tòa nhà để chờ T, khoảng 10 phút sau G tiếp tục gọi điện thoại cho T nói "*sắp đến chưa*", T nói "*sắp đến*". Khoảng 5 phút sau T đi xe đạp đến, G nói "*Chị quay đầu xe đi*" và đi vào chỗ cất dấu hộp bìa cattong bên trong có nhiều đoạn ống dây kim loại màu đồng lấy cho T. Còn T quay đầu xe, tháo dây cao su buộc ở giá để hàng phía sau xe đạp, G bẻ hộp bìa cattong đến, đặt lên giá để hàng và nói "*Chị cứ mang về đi, tiền nong tính sau*", sau đó quay vào tòa nhà; T buộc dây cao su cố định hộp bìa cattong rồi vận chuyển về nhà. Khoảng 10 phút sau, G ra đường trước cửa tòa nhà, thuê xe taxi đưa đến tổ 12, phường N, trên đường đi G gọi điện cho T nói "*Chị cầm tiền ra đường cho em*", T nói "*ừ*"; khi xe taxi đến gần nhà T thì dừng lại, G xuống xe nói với lái xe "*Quay đầu xe đi*", Còn G đứng tại ngã ba chờ T; T từ nhà đi ra đến gần G và nói "*Lấy bao nhiêu tiền*", G nói "*Có được 1 triệu không*", T nói "*Không được*", G nói "*Chị đưa bao nhiêu thì đưa*", T lấy tiền trong túi quần đang mặc đếm và đưa cho G 900.000đ gồm 04 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, G nhận tiền để vào túi quần đang mặc, quay lại xe taxi đi về; khi đến cửa tòa nhà 10 tầng G trả tiền Taxi hết 50.000 đồng, rồi xuống xe đi đến cửa tầng 1 tòa nhà, lúc đó khoảng 20 giờ 35 phút cùng ngày; G lấy điện thoại gọi cho Trần Văn T2 để rủ đi uống bia; T2 đồng ý, sau đó T2 rủ Đào Văn T3 và Phan Hồng B, cả hai đều là người làm thuê cho T2. Sau đó, T2 cùng T3 và B đến tòa nhà 10 tầng gặp G. G thuê xe taxi chở cả bốn người đến quán bia GARDEN BEER, thuộc tổ 8, phường Q, thành phố H, khi xuống xe, G trả 50.000 đồng tiền taxi. Cả bốn người vào uống bia đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì nghỉ; G thanh toán hết 514.000đ; cả bốn người tiếp tục thuê xe Taxi về tòa nhà 10 tầng, đến nơi G lấy 50.000 đồng trả tiền thuê taxi. Sau đó vào nghỉ tại tầng

1 của tòa nhà 10 tầng, còn T2, T3 và B đi về lán thợ xây của tòa nhà, tại tổ 12, phường N để ngủ. Tổng số tiền thuê xe Taxi và uống bia hết 614.000 đồng, đều là tiền bán dây đồng do G trộm cắp được mà có, số tiền còn lại là 286.000 đồng.

Đến khoảng 18 giờ, ngày 26/7/2020, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nên G đến Công an thành phố H xin đầu thú và giao nộp 286.000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) là tiền bán ống dây đồng trộm cắp được còn lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐGTS, ngày 31/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: Giá trị tài sản trên thực tế là: **5.352.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).**

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-TPHG ngày 29/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Hoàng Đức G về tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Đức G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do cơ quan Điều tra thu thập được. Bị cáo có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, xin được HĐXX xem xét, giảm nhẹ tội cho bị cáo, vì hiện tại hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, vợ chồng đã ly hôn từ lâu, bị cáo phải lao động kiếm tiền nuôi hai con còn nhỏ ăn, học.

Bị hại là anh Trần Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa, ngày 15/10/2020 Tòa án nhận được đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh, trong đơn anh T2 đề nghị: Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vì anh đã nhận lại tài sản.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang sau phân xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hoàng Đức G về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Đức G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Hình phạt: **Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Đức G từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 (chín) ngày. Giao bị cáo cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định do vậy không đề nghị khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.**

- Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng theo Quyết định xử lý vật chứng số: 23/QĐ-CQĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS đề nghị : Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips, vỏ màu đen, Imei 1: 864271037549419, Imei 2: 864271037700913, lắp 02 sim nhà mạng Viettel, sim 1 có số thuê bao: 0337272016, sim 2 có số thuê bao: 0356832613 (*Điện*

thoại đã qua sử dụng); Số tiền 286.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố H với Chi cục THADS thành phố H.

- Về phần dân sự: Anh Trần Văn T2, chị Nguyễn Thị T1 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường, vì vậy không đề nghị xem xét.

- Đối với hành vi của Nguyễn Thị T1: Do T1 là người chuyên thu mua đồng nát, phế liệu nên khi G gọi bán thì T1 đến mua, T1 không biết những thứ mà G gọi bán là đồ trộm cắp được nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát. Nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Bị cáo Hoàng Đức G thực hiện quyền nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo rất ân hận về việc làm của mình, bị cáo biết mình hành động như vậy là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi nhất thời bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp để có tiền tiêu sài phục vụ nhu cầu của bản thân. Bị cáo xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người lương thiện. Cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện tiếp tục lao động, làm ăn kiếm tiền nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại **Trần Văn T2**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị T1**, nhưng anh T2, chị T1 đều đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai tại cơ quan điều tra, căn cứ vào **khoản 1 Điều 292 của** Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra (**BL 162 đến BL 181**) và (**BL 250 đến BL 253**), phù hợp với lời khai của bị hại (**BL 182 đến BL 187**), lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (**BL 188 đến BL 201**); Vật chứng thu giữ và Kết luận định giá tài sản (**BL 119 đến BL 132**), cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ, ngày 25/7/2020, bị cáo Hoàng Đức G đã có hành vi trộm cắp tài sản gồm: 01 hộp bìa catton có kích thước 70cm x 60cm x 10cm bên trong có đựng nhiều thiết bị lắp đặt hệ thống điều hòa gồm ống, nút nổi bằng đồng tại công trình xây dựng tòa nhà 10 tầng, thuộc tổ 10, phường M, thành phố H, do ông Nguyễn Văn C thuê anh Trần Văn T2 thi công lắp đặt hệ thống điều hòa của tòa nhà, sau khi trộm cắp được

tài sản G đã bán cho Nguyễn Thị T1 được 900.000đ (*Chín trăm ngàn đồng*). Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Hoàng Đức G chiếm đoạt có giá trị là: **5.352.000 đồng** (***Năm triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng***). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. **Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:**

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”..... ”

[4] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Hoàng Đức G về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng vì ham chơi nhất thời, để đáp ứng nhu cầu tiêu sài cá nhân bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bị hại để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị là 5.352.000 đồng (*Năm triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang cho dư luận. nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt vì tội trộm cắp tài sản. Đáng lẽ bị cáo phải lấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện thay đổi bản thân, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài với bạn bè bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý bằng hình sự để cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tuy nhiên xét thấy bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự giác ra đầu thú nên tài sản đã thu hồi lại được và trả cho chủ sở hữu, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, phạm tội trong lúc khó khăn nhất thời. Mặt khác bản thân bị cáo là người lao động đi làm thuê để kiếm tiền nuôi sống bản thân và hai con còn nhỏ đang độ tuổi đến trường, vợ bị cáo đã ly hôn. Bị cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có điều kiện lao động kiếm tiền tiếp tục nuôi các con ăn học. Do đó HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương giúp bị cáo tiếp tục được lao động kiếm tiền nuôi dạy các con ăn học, đảm bảo tính nhân văn của pháp luật hình sự và để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Từ những nhận xét, đánh giá trên đây HĐXX sơ thẩm nhất trí với đề nghị của VKSND thành phố H về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo quy định tại Điều 36 BLHS.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ vật chứng và trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng

theo Quyết định xử lý vật chứng số: 23/QĐ-CQĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó HĐXX không xem xét.

[8] Đối với chiếc điện thoại di động và số tiền đã thu giữ của bị cáo, xét thấy có liên quan đến hành vi trộm cắp của bị cáo, do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Văn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có ý kiến, đề nghị gì, do đó HĐXX không xem xét.

[10] Về hành vi của Nguyễn Thị T1: Khi mua đồ của G, T1 không biết những thứ mà G bán cho T1 là đồ trộm cắp được nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[11] Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có nghề nghiệp chỉ đi làm thuê lao động tự do, không có thu nhập ổn định lại phải nuôi hai con còn nhỏ ăn học, do đó HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Đức G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Đức G 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 27 (Hai mươi bảy) ngày do bị cáo bị tạm giữ, thời gian tạm giữ từ ngày 26/7/2020 đến 04/8/2020 (09 ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 03 ngày (Mười bảy tháng ba ngày), thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Hoàng Đức G. **Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.**

Giao bị cáo Hoàng Đức G cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của BLTTHS, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của BLHS tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Philips, vỏ màu đen, Imei 1: 864271037549419, Imei 2:

864271037700913, lắp 02 sim nhà mạng Viettel, sim 1 có số thuê bao: 0337272016, sim 2 có số thuê bao: 0356832613 (*Điện thoại đã qua sử dụng*); Số tiền 286.000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng*), theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2020 giữa cơ quan CSĐT Công an thành phố H và Chi cục THADS thành phố H.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Đức G phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Đức G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại Trần Văn T2, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TPH;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Công an TPH (02 bản);
- Cơ quan THAHS - CATPH;
- Chi cục THADS TPH;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- UBND phường N, TP H;
- UBND xã K, huyện T, Phú Thọ.
- Lưu: HS, THA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mỹ Lệ